

NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Trần Thị Minh Tuyết (*)

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: tuyetminh1612@gmail.com

Nguyễn Thị Mai Lan (**)

(**) Thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Nhận ngày 4 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là sự hội tụ của nhiều nhân tố, nhưng vai trò của Hồ Chí Minh - người đứng đầu một cuộc đấu tranh tổng lực, trong đó có đấu tranh ngoại giao, là một nhân tố đặc biệt quan trọng. Trong bài viết này, thông qua việc phân tích một số nội dung cơ bản trong nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, tác giả muốn khẳng định tài năng và vai trò của nhà ngoại giao kiệt xuất Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Từ khóa: Nghệ thuật ngoại giao, Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Tám.

Để giành lại độc lập từ tay các thế lực đế quốc hùng mạnh, các dân tộc nhỏ phải tiến hành một cuộc đấu tranh tổng lực, trong đó, mặt trận ngoại giao đóng vai trò quan trọng. Với tầm mắt và kinh nghiệm của nhà cách mạng từng đi “năm châu, bốn biển”, Hồ Chí Minh - người đứng đầu cuộc đấu tranh không cân sức của dân tộc Việt Nam đã đúc kết chân lý: “Ngoại giao ai thuận lợi hơn, thì thắng”¹. Là linh hồn của Đảng và là người dẫn đường cho dân tộc, trong Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh xuất hiện không chỉ với tư cách một chính trị gia kiệt xuất, một nhà hoạt động quân sự tài ba, mà còn là một nhà ngoại giao lão

luyện với nghệ thuật ngoại giao độc đáo. Nếu Cách mạng tháng Tám là một thắng lợi hy hữu của các dân tộc thuộc địa, thì tài năng, nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh ở giai đoạn này cũng là “vô tiền, khoáng hậu”.

Nói đến nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh là nói đến việc thực hiện các phương pháp, chiến lược, sách lược ngoại giao một cách nhạy bén, tài tình đến mức “không thể có cách nào khác đúng hơn và hay hơn”², hiệu quả hơn so với những gì

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.559.

² Vũ Dương Huân (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr.146.

mà Người đã tiến hành trên thực tế. Xét về các sự kiện “bề nổi” thì Tổng khởi nghĩa tháng Tám chỉ diễn ra trong vòng nửa tháng, nhưng việc chuẩn bị cho cuộc cách mạng này là một quá trình. Vì thế, nói đến ngoại giao Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám cần xem xét một “chuỗi” hoạt động ngoại giao của Người trong “khung” thời gian từ 20/9/1944 - thời điểm Người trở về từ Trung Quốc và trực tiếp chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cho đến 19/12/1946 - thời điểm chấm dứt sự hòa hoãn, toàn dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Để tạo ra “con lốc” Cách mạng tháng Tám và giữ vững thành quả của nó trong hoàn cảnh vô cùng cam go, nhà ngoại giao thiên tài Hồ Chí Minh đã thực hiện chiến lược “thêm bạn, bớt thù” bằng hệ thống nghệ thuật ngoại giao đặc sắc sau đây:

Thứ nhất, nghệ thuật tìm bạn đồng minh, tạo dựng vị thế cho Mặt trận Việt Minh.

Với bản tính “Thiện” và sự tiên đoán “phe phát xít sẽ thất bại, phe đồng minh sẽ chiến thắng”, ngay khi về nước (năm 1941), Hồ Chí Minh đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh với dụng ý khẳng định: Mặt trận này đứng về phe đồng minh để chống phát xít. Chủ trương đúng đắn của Hồ Chí Minh đã góp phần tạo dựng tính chính nghĩa của Mặt trận Việt Minh và tính chính danh của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bởi “các nước đồng minh... quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh để chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập”³.

Để xác định chiến lược giải phóng dân tộc, người đứng đầu phong trào không được phép duy ý chí, mà phải phân tích một cách khoa học tương quan lực lượng giữa ta và địch. Trên tinh thần đó, từ năm 1944, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: Nếu “không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được, nhất là hiện nay, chúng ta đang đứng trước hai tên cướp xâm lược hung ác nhất của phương Đông và phương Tây”⁴. Thực tế cách mạng đặt ra yêu cầu phải tranh thủ sự ủng hộ của phe đồng minh, nhưng lại không được để họ thao túng. Do điều kiện địa lý gần gũi và Trung Hoa Dân quốc đang là đồng minh thân cận của Mỹ, Hồ Chí Minh xác định: Đây chính là lực lượng đầu tiên mà Việt Minh cần tranh thủ. Người nói rõ: “Không nên ảo tưởng vào Tưởng Giới Thạch nhưng phải lấy Trung Quốc làm cái cầu để tranh thủ các nước đồng minh”⁵. Để nhận được sự ủng hộ của Quốc dân Đảng Trung Hoa đối với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đề cao chính sách đối ngoại của Tưởng Giới Thạch: “Về phần chúng tôi, lúc nào cũng tin tưởng vững chắc ở đạo đức truyền thống của Trung Quốc là “bênh vực kẻ yếu, giúp đỡ người nguy, cứu kẻ sắp chết” và tin tưởng vào quốc sách của Trung Quốc là “Liên hiệp các

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.3.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.3, tr.480.

⁵ Dẫn theo: Nguyễn Đình Bin (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.39-40.

dân tộc nhược tiểu trên thế giới để cùng nhau phấn đấu”⁶. Nhà sách lược đại tài Hồ Chí Minh, *một mặt*, nỗ lực thiết lập quan hệ với Quốc dân Đảng Trung Quốc; *mặt khác*, căn dặn cán bộ ta phải luôn tinh táo, đề cao cảnh giác. Không kỳ vọng để bị trả giá nhưng cũng không kỳ thị để đánh mất một mối quan hệ quốc tế cần thiết, luôn tranh thủ mọi khả năng dù là nhỏ nhất, tạm thời nhất để tăng cường sức mạnh cho cách mạng Việt Nam, đó chính là bản lĩnh của nhà ngoại giao Hồ Chí Minh.

Ngoài Trung Hoa Dân quốc, Người còn nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ bởi nhận thấy: Mỹ là lực lượng duy nhất có thể ngăn chặn Pháp quay trở lại Đông Dương. Người đã tìm cách tiếp xúc với *Cơ quan cứu trợ không quân Mỹ (AGAS)* và có cuộc gặp gỡ với tướng Sênôn của *Lực lượng không quân 14* cùng đại diện của *Cơ quan tình báo chiến lược OSS* ở Côn Minh vào ngày 29/3/1945. Bằng tài ngoại giao, Người đã được tướng Sênôn tặng tấm ảnh chân dung với dòng chữ “Bạn chân thành của ông, Claire Chennault”⁷. Tấm ảnh đó chính là “giấy thông hành” hữu hiệu của Người trên đất Trung Quốc và là bằng chứng để Người khuếch trương thanh thế của Mặt trận Việt Minh. Vì lợi ích của cả hai bên, sự phối hợp giữa Việt Minh và Tổ chức OSS của Mỹ đã diễn ra trong giai đoạn tiền khởi nghĩa. Theo các sử gia, người Mỹ đã huấn luyện quân sự cho khoảng 200 cán bộ Việt Minh và thả 22 chuyến hàng tiếp tế xuống căn cứ Việt Bắc⁸. Sau khi Hà Nội giành chính quyền, ngày 22-8, nhóm sĩ quan

OSS của Mỹ do thiếu tá Patti chỉ huy đã đến Hà Nội. Vào ngày 29-8, Patti gặp gỡ Hồ Chí Minh và được Người trao đổi về bản *Tuyên ngôn độc lập* đang soạn thảo. Như vậy, cho dù không có sự công nhận chính thức của chính phủ Mỹ, nhưng sự hợp tác giữa Mặt trận Việt Minh và lực lượng quân sự Mỹ ở miền Nam Trung Quốc đã diễn ra trên thực tế. Điều đó góp phần tạo dựng thanh thế cho Mặt trận Việt Minh và uy tín cho Chính phủ Hồ Chí Minh sau này.

Thứ hai, nghệ thuật pháp lý hóa thành tựu của Cách mạng tháng Tám và vị thế của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự đầu hàng của phát xít Nhật trước đồng minh (ngày 13-8-1945) đã tạo ra tình thế cách mạng trực tiếp nhưng Đảng đã xác định rõ: “Không phải Nhật bại là nước ta tự nhiên được độc lập. Nhiều sự gay go trở ngại sẽ xảy ra. Chúng ta phải khôn khéo và kiên quyết. Khôn khéo để tránh những sự không lợi cho ta. Kiên quyết để giành được nền hoàn toàn độc lập”⁹. Thực hiện thắng lợi chủ trương phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân đồng minh kéo vào, “nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời trong cái chớp mắt của lịch sử”¹⁰. Tuy nhiên, làm cho các nước lớn thừa nhận, tôn trọng

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.3, tr.488.

⁷ Xem: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, 2016, tr.201.

⁸ Xem: Phạm Xanh (2014), *Khám phá lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.155-157.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.561.

¹⁰ Võ Nguyên Giáp (1995), *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.18.

nền độc lập non trẻ và tính chính danh của nhà nước mới, vẫn là điều hết sức khó khăn. Với tư cách Chủ tịch Chính phủ lâm thời kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Hồ Chí Minh chỉ đạo gấp rút tổ chức *Lễ Độc lập* để tuyên bố với quốc dân và thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự nhanh nhạy, quyết đoán của Hồ Chí Minh đã đặt quân đồng minh vào thế “đã rồi”; họ buộc phải giao tiếp với Chính phủ Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đón tiếp họ với tư thế “người chủ”.

Thấu hiểu lối tư duy “duy lý” của người phương Tây, bản *Tuyên ngôn Độc lập* - áng văn lập quốc mà Hồ Chí Minh đọc trong Lễ Độc lập, đã chứng minh đầy đủ *căn cứ pháp lý* của nền độc lập Việt Nam. *Căn cứ lý luận* mà Người đưa ra chính là những chân lý bất hủ đã được khẳng định trong *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) của nước Mỹ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1789) của nước Pháp và được pháp luật phương Tây thừa nhận. Bằng cách “dùng gậy ông đập lưng ông”, Hồ Chí Minh vừa “đẩy” Mỹ và Pháp vào thế khó phản bác, vừa tranh thủ được sự đồng tình rộng rãi của dư luận thế giới. Ngoài căn cứ lý luận vững chắc, Hồ Chí Minh còn chỉ ra *căn cứ thực tiễn* là Pháp đã hèn nhát “dâng” Đông Dương cho Nhật và nhân dân Việt Nam đã giành độc lập từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Vì thế, nếu các nước đồng minh vẫn không công nhận và bảo vệ nền độc lập của dân tộc Việt Nam thì người ta có quyền hoài nghi về sự công bằng, chính trực của họ. *Tuyên ngôn Độc lập* không

chỉ *pháp lý hóa* nền độc lập non trẻ, mà còn pháp lý hóa tính chính danh của Chính phủ lâm thời.

Bên cạnh *Tuyên ngôn Độc lập* - văn bản ngoại giao đa phương gửi đến toàn thế giới, Hồ Chí Minh vừa kiên trì bày tỏ nguyện vọng gia nhập *Liên hợp quốc*, vừa nỗ lực vận động từng nước trong phe đồng minh, đặc biệt là Mỹ, công nhận nền độc lập của Việt Nam. Cho dù ở thời điểm đó, *Liên hợp quốc* và các nước lớn không chuẩn y lời đề nghị của Hồ Chí Minh nhưng vấn đề Việt Nam đã xuất hiện trong chính sách ngoại giao của các nước lớn và ngày càng thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, nghệ thuật lợi dụng mâu thuẫn giữa các loại kẻ thù.

Sau cách mạng tháng Tám, quân đồng minh “từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, tiếng nói nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: Muốn thôn tính nước ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ”¹¹. Trong hoàn cảnh có nhiều kẻ thù, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Không nên cùng một lúc đánh tay 5, tay 6 với lũ cướp nước và bán nước. Đấm bằng cả hai tay một lúc là không mạnh”¹². Chân lý hiển nhiên đó đã được Hồ Chí Minh chuyển hóa thành nghệ thuật lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

¹¹ Võ Nguyên Giáp (2001), *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.36.

¹² Vũ Khoan (Chủ biên, 2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác ngoại giao*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.103-104.

Trên cơ sở nhận thức rõ mâu thuẫn giữa Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng về vấn đề Đông Dương và coi thực dân Pháp là kẻ thù chính, từ 8/1945 đến hết tháng 2/1946, Hồ Chí Minh đã thực hiện sách lược *hòa hoãn với quân Tưởng* để tập trung chống Pháp ở miền Nam. Ngay trong lúc thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện”, Hồ Chí Minh còn tìm cách khoét sâu mâu thuẫn giữa các tướng lĩnh thuộc nhiều phe phái của quân đội Tưởng và giữa 2 đảng phái phản động là Việt Quốc và Việt Cách để giảm bớt sức mạnh của chúng.

Khi *Hiệp ước Hoa - Pháp* được ký kết (28-2-1946) với nội dung chủ đạo là quân Tưởng sẽ rút đi và quân Pháp sẽ thay thế quân Tưởng ở miền Bắc, Hồ Chí Minh lập tức quyết định phải *hòa hoãn với Pháp* và Người đã ký *Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946* và *Tạm ước 14-9-1946* với đại diện của Chính phủ Pháp. Nhận ra mâu thuẫn giữa phe hiếu chiến mà Đắcgiăngliơ, Valluy, Pinhông là đại diện và phe ôn hòa là Léclo, Leon Blum, Người đã tìm cách khơi gợi tinh thần phản chiến trong hàng ngũ tướng lĩnh Pháp.

Như vậy, trong khoảng thời gian ngắn nhưng Hồ Chí Minh đã “đi” các nước cò trái ngược nhau và sự linh hoạt đó đã giúp Việt Nam thoát khỏi tình thế bị “kẹp” giữa quân Tưởng và quân Pháp.

Thứ tư, nghệ thuật nhân nhượng có nguyên tắc.

Muốn đàm phán ngoại giao thành công, tất yếu các bên “phải nhân nhượng nhau đúng mức”¹³. Với năng lực tiên đoán và khả năng “tiên công, thoái thủ nhanh như

chớp”, Hồ Chí Minh là bậc thầy trong nghệ thuật ngoại giao.

Để hòa hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc, Hồ Chí Minh đã nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi về kinh tế, chính trị và quân sự. Về *kinh tế*, Hồ Chí Minh chấp nhận cung cấp lương thực, thực phẩm cho đội quân “trông giống như một bầy châu chấu ào xuống ruộng lúa Việt Nam”¹⁴, chấp nhận cho lưu hành đồng tiền quan kim của Tưởng Giới Thạch trên lãnh thổ Việt Nam và tìm cách “mua chuộc” một số tướng lĩnh của quân đội Tưởng. Về *chính trị*, Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản (thực chất là rút vào hoạt động bí mật), chấp nhận dành riêng cho 2 đảng Việt Quốc và Việt Cách 70 ghế trong quốc hội không thông qua bầu cử, chấp nhận cải tổ chính phủ cách mạng thành chính phủ liên hiệp với sự tham gia của 2 đảng Việt Quốc, Việt Cách. Về *quân sự*, Hồ Chí Minh chủ trương tránh mọi sự công kích, khiêu khích của quân Tưởng và khéo léo giải quyết các xung đột theo phương châm “biến đại sự thành tiểu sự, tiểu sự thành vô sự”. Giải thích cho cán bộ về sách lược hòa hoãn với quân Tưởng, Người nhấn mạnh: “Kiến nhẫn không phải là ngoan ngoãn, dễ bảo, đó là một hình thức *đấu tranh*”¹⁵. Người còn nói với cán bộ dưới quyền rằng: Để giành được nền độc

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.8, tr.551.

¹⁴ Jean Sainteny (2003), *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.140.

¹⁵ Dẫn theo: E.Côbêlep (2010), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr.389.

lập thiêng liêng của Tổ quốc thì dù bao cay đắng cũng phải chịu và do đó, tuyệt đối không được nòng vọt “ném chuột vỡ bình”. Biết kiềm chế những cảm xúc thông thường, kiên trì thực hiện các biện pháp phù hợp để mưu việc lớn là phẩm chất của nhà ngoại giao lão luyện.

Sự nhạy bén, kịp thời của Hồ Chí Minh trong việc thực hiện sách lược thỏa hiệp còn thể hiện ở chỗ: Khi *Hiệp định Hoa - Pháp* còn chưa “ráo mực” (28/2/1946), chỉ vài ngày sau (6/3/1946), Hồ Chí Minh đã đàng hoàng đàm phán và ký kết *Hiệp định Sơ bộ* với đại diện của Chính phủ Pháp. Điều đáng nói là địa vị mới không làm Hồ Chí Minh choáng ngợp; Người tỏ rõ sự đĩnh đạc của bậc nguyên thủ quốc gia với sự “cương - nhu” đúng lúc, đúng độ. J.Sainteny - đối thủ trực tiếp đàm phán với Hồ Chí Minh cho biết, Người đã “tranh luận từng câu một, từng chữ một trong các bản dự thảo hiệp định”¹⁶, nhưng khi đàm phán rơi vào bế tắc do Pháp không chấp nhận từ “*độc lập*” của Việt Nam, còn Việt Nam không chấp nhận từ “*tự trị*” của Pháp, Người đã chủ động đưa ra phương án “trung gian”, rằng “Việt Nam là quốc gia *tự do*” trong khối Liên hiệp Pháp nhưng có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng. Đây là “một sách lược vĩ đại và sáng tạo”¹⁷ vì dù chưa đạt được mục tiêu cao nhất, *Hiệp định Sơ bộ* vẫn mang lại cho cách mạng Việt Nam rất nhiều lợi ích. Không chỉ đuổi được 20 vạn quân Tưởng hết sức nguy hiểm về nước, thể hiện rõ thiện chí hòa bình và kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh không

tránh khỏi trong tương lai, Hiệp định đã buộc chính kẻ thù phải thừa nhận tính hợp hiến của nhà nước cách mạng, từ đó “mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta”¹⁸. Quyết tâm quốc tế hóa vấn đề độc lập của Việt Nam để nhận được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân Pháp, Hồ Chí Minh đã đấu tranh để Hội nghị đàm phán chính thức diễn ra ở bên Pháp. Chỉ riêng việc Hồ Chí Minh sang Pháp với tư cách là thượng khách, được đón tiếp theo nghi lễ dành cho nguyên thủ quốc gia, được hội đàm trực tiếp với Chính phủ Pháp..., tư cách độc lập của Việt Nam đã được khẳng định trên thực tế. Trong quá trình đàm phán, Hồ Chí Minh đã rất khéo léo để cuộc đàm phán đạt được mục đích, đồng thời không làm tổn hại đến thanh danh và lợi ích tối cao của dân tộc.

Thứ năm, nghệ thuật “tâm công” ở mức đỉnh cao.

“Tâm công” là thu phục lòng người bằng nhân nghĩa và lễ phép. Nguyễn Trãi từng viết về sức mạnh của phương pháp này, rằng “chẳng đánh mà người chịu khuất/ Ta đây mưu phạt tâm công”. Trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã dùng thuật “Tâm công” với 3 lực lượng quốc tế sau đây:

Một là, thấu hiểu vị thế của Mỹ trên chính trường quốc tế, Hồ Chí Minh kiên

¹⁶ J.Sainteny, *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Sđd., tr.375.

¹⁷ Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam: góc nhìn và suy ngẫm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.43.

¹⁸ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Sđd., t.3, tr.149.

trì bày tỏ sự mong muốn hợp tác với Mỹ. Bằng chứng là, trong khoảng thời gian từ 30/8/1945 đến tháng 12/1946, Hồ Chí Minh 3 lần gửi thư cho Liên hợp quốc, 4 lần gửi cho Tưởng Giới Thạch, 3 lần gửi cho Stalin nhưng 10 lần gửi cho Tổng thống Mỹ và 3 lần gửi thư cho Ngoại trưởng Mỹ. Sau này, nhiều người Mỹ đã lấy làm tiếc vì “nếu lúc đó Mỹ ủng hộ Hồ Chí Minh thì Mỹ có thể tránh được cuộc chiến tranh tốn kém và bi thảm nhất trong lịch sử những năm về sau”¹⁹.

Hai là, Hồ Chí Minh khéo léo “tâm công” quân Tưởng để hạn chế sự chống phá của chúng. Biết rõ quân Tưởng vào Việt Nam với âm mưu “*Diệt cộng, cầm Hồ*” nhưng bằng vốn nho học uyên bác, thái độ khoan hòa, trọng thị, Người đã “cuốn” chúng vào bầu không khí thân tình. Đứng trước con người là hiện thân của sự trong sáng, điềm tĩnh, sự hung hãn của chúng tự nhiên cũng giảm bớt. Chúng dần chuyển từ cách gọi là “Hồ tiên sinh” sang “Hồ Chủ tịch” như thừa nhận vị thế chính trị của Người.

Ba là, Hồ Chí Minh đã kiên trì thuyết phục giới chính trị, giới quân sự và nhân dân Pháp, rằng mục tiêu độc lập tự do, bình đẳng, bác ái mà nhân dân Việt Nam đang đấu tranh cũng chính là khát vọng của nhân dân Pháp và vì thế “kỳ sở bất dục, vật thi ư nhân” (điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Người còn cam kết Việt Nam sẵn sàng hợp tác, thậm chí ưu tiên cho Pháp một số quyền lợi, nhưng Pháp nhất thiết phải tôn trọng quyền độc lập của Việt

Nam. Trong lời lẽ của Hồ Chí Minh, chân lý và đạo nghĩa, thiện chí và ý chí luôn hòa quyện làm một. Vì thế, dù được mệnh danh là người đã “đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp”, Hồ Chí Minh vẫn được nhân dân Pháp và đối thủ kính trọng. J.Sainteny - người trực tiếp đàm phán với Hồ Chí Minh, thừa nhận: “Rất đáng tiếc là nước Pháp đã coi nhẹ, không thấu hiểu hết giá trị và sức mạnh của nhân vật này”²⁰.

Nói về nghệ thuật tâm công của Hồ Chí Minh, có sử gia phương Tây cho rằng: “Cụ Hồ Chí Minh... đã biết sử dụng cả văn hóa và tâm hồn của kẻ địch để chiến thắng”²¹. Trong quan hệ đối ngoại, Hồ Chí Minh là biểu tượng sinh động của một dân tộc luôn mong muốn “lấy bút thay kiếm”, lấy lễ thay bom đạn, lấy nhân nghĩa thay oán thù và chiến tranh chỉ là sự cùng cực “bất đắc dĩ”.

Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám và sự vững vàng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ trong hoàn cảnh “thù trong giặc ngoài” đã thể hiện khả năng “chèo lái” của nhà ngoại giao thiên tài Hồ Chí Minh. Chặng đường đó đã trở thành “những năm tháng không thể nào quên” trong lịch sử dân tộc và là minh chứng hùng hồn cho tài năng của một con người đã “biến thành hiện thực

¹⁹ Dẫn theo: Phan Văn Hoàng, 1945-1946 - Một cơ hội bị bỏ lỡ trong quan hệ Việt - Mỹ, Tạp chí Xưa và nay, số 298, tháng 12/2007, tr.20.

²⁰ J.Sainteny: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Sđd., tr.224-225.

²¹ Dẫn theo: Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh: Nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.319.

những điều người bình thường tưởng như vô vọng”²².

Đảng Cộng sản Đông Dương từng khẳng định: “Thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”²³. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh kết tinh từ tư duy khoa học, tâm hồn trong sáng, thuần hậu, năng lực tự chủ của con người thấu hiểu quy luật lịch sử, biết rõ chính trường quốc tế và cả trạng thái tâm lý con người. Vì thế, nó hoàn toàn không phải là “ảo thuật” mà là bản lĩnh của một nhà văn hóa lớn với sự tích hợp một cách đầy đủ, tự nhiên nét thâm thúy, tinh tế của phương Đông, sự uyên bác, lịch lãm của phương Tây và cả sự trải nghiệm thực tiễn của một lãnh tụ phong trào. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh tỏa sáng bởi nó xuất phát từ quan điểm đúng đắn, rằng “ngoại giao phải dựa trên thực lực dân tộc” và thực lực lớn nhất của Việt Nam chính là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân được tập hợp trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, “phong độ ung dung của Hồ Chí Minh là phong độ của một người nhận thức được quy luật của lịch sử, tin ở nhân dân và có nhân dân, con người biết mình đi đến đâu, biết tránh thác ghềnh, biết thắng quân địch, con người tinh như núi, động như biển, nắm vững nghệ thuật của điều có thể và không ngừng mở rộng giới hạn của điều có thể”²⁴. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh còn là sự thống nhất nhuần nhuyễn giữa chiến lược và sách lược, giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt. Hoàn cảnh càng khó khăn thì nhà ngoại

giao Hồ Chí Minh càng tỏ rõ sự quyền biến, sáng tạo, mưu lược và vai trò của Người ở thời điểm này là “không thể thay thế”. Hồi tưởng về Cách mạng tháng Tám, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: “Mỗi khi nhớ lại những năm tháng đó, một ý nghĩ luôn đến với tôi: Nếu bây giờ không có Hồ Chí Minh thì khó lường hết cái gì có thể xảy ra”²⁵. Nắm vững quy luật để hành động hợp quy luật nên Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra những kỳ tích lịch sử mà Cách mạng tháng Tám là một minh chứng hùng hồn.

Khó có thể luận giải đầy đủ tài năng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh ở thời điểm “bước ngoặt” của lịch sử, bởi ngoại giao là lĩnh vực ẩn chứa không ít điều “tối mật” mà Hồ Chí Minh lại là người “nói ít, làm nhiều”. Chính J.Sainteny - đối thủ của Hồ Chí Minh khi đó, đã đúc kết: “Chỉ riêng Hồ Chí Minh là người duy nhất có thể kể lại cuộc đời hoạt động của mình”²⁶. Với những gì đã diễn ra và tạo ra, Cách mạng tháng Tám mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam; nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong buổi đầu dựng nước sẽ mãi là kinh nghiệm vô giá của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. □

²² Phạm Văn Đồng (2012), *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.193.

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd., t.8, tr.27.

²⁴ Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Sđd., tr.203.

²⁵ Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Sđd., tr.175.

²⁶ Jean Sainteny, *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Sđd., tr.317.